

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 4 – 2023

V/v tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Hoàng.

2. Ông Trần Quang Vinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhân là Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1989.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

*Chị Trần Thị Mỹ P có mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ P trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Mỹ P và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn năm

2018 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Huệ, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/8/2020. Hôn nhân giữa chị P và anh T được xây dựng trên cơ sở mai mối và kết hôn.

Trong khoảng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến hay cãi vã. Nguyên nhân do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm chăm sóc vợ con (bỏ mặc vợ con), chị P nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không từ bỏ. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị P và anh T sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay chị Trần Thị Mỹ P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

*Về con chung:* Chị P và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 18/3/2018 và Nguyễn Hoàn Kim C, sinh ngày 24/7/2021. Hiện nay cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 18/3/2018 đang sống chung với anh T, còn cháu Nguyễn Hoàn Kim C, sinh ngày 24/7/2021 đang sống chung với chị P. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàn Kim C đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị P thống nhất giao con chung tên Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 18/3/2018 cho anh Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ P.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ P được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 18/3/2018 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Gia B trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có văn bản yêu cầu. Giao con chung tên Nguyễn Hoàn Kim C, sinh ngày 24/7/2021 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kim C trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Sổ hộ khẩu (Bản photo); Căn cước công dân của chị Trần Thị Mỹ P (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Hoàn Kim C (Bản sao); Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Văn Gia B (Bản sao).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T cư trú tại ấp Tân Bình Thượng, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Ngọc T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Xét thấy, chị P và anh T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/8/2020, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống chị P và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng ý kiến, thường hay cãi vã. Anh T có người phụ nữ khác bên ngoài nên không quan tâm chăm sóc vợ con (bỏ mặc vợ con). Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị P và anh T sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân anh, chị có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không

thành. Hơn nữa, chị P xác định hiện nay giữa chị và anh T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Trần Thị Mỹ P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

+ Chị Trần Thị Mỹ P thống nhất giao con chung tên Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 18/3/2018 cho anh Nguyễn Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Gia B trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

+ Chị Trần Thị Mỹ P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàn Kim C, sinh ngày 24/7/2021 cho đến khi cháu Kim C trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

Xét thấy, kể từ khi chị P và anh T ly thân đến nay cháu Gia B sống chung với anh T, còn cháu Kim C sống chung với chị P. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị P thống nhất giao cháu Gia B cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Gia B trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đồng thời yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàn Kim C, sinh ngày 24/7/2021 cho đến khi cháu Kim C trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu Gia B và cháu Kim C phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 18/3/2018 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hoàn Kim C, sinh ngày 24/7/2021 cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị Trần Thị Mỹ P không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Ngọc T không có văn bản ghi ý kiến, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ P xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Anh T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ P phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ P.

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Mỹ P được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 18/3/2018 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị Mỹ P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Ngọc T không có văn bản yêu cầu.

Giao con chung tên Nguyễn Hoàn Kim C, sinh ngày 24/7/2021 cho chị Trần Thị Mỹ P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Mỹ P không yêu cầu.

Chị P và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Về án phí*: Chị Trần Thị Mỹ P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016153 ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Trần Thị Mỹ P đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Trung**